TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẮC GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 233 /2019/QĐST-HNGĐ	*Bắc Giang, ngày 11 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 396/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" giữa

* Nguyên đơn**:** Chị Lê Thị Anh, sinh năm 1993.

HKTT: Thôn Giếng, xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

* Bị đơn: Anh Đỗ Văn Chức, sinh năm 1991.

HKTT: Thôn Giếng, xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 10 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị Anh và anh Đỗ Văn Chức

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Sau khi ly hôn giao cho chị Lê Thị Anh trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Đỗ Thị Phương Linh, sinh ngày 09/8/2017.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ chăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung, công sức đóng góp chung, công nợ chung: Chị Lê Thị Anh và anh Đỗ Văn Chức không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Lê Thị Anh phải chịu 150.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số: AA/2018/0001128 ngày 23/9/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang. Hoàn trả chị Lê Thị Anh số tiền 150.000đồng tạm ứng án phí còn lại theo biên lai nói trên. Xác nhận chị Lê Thị Anh đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các điều 6, 7, 7[a] và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi Cục THADS TP.Bắc Giang;
- VKSND TP.Bắc Giang;
- UBND xã Tân Mỹ,
Tp.Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Dương Văn Hải

4. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.